

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **49/2019/DSST**  
Ngày: 10/10/2019  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG**  
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Toàn.

*+ Các Hội thẩm nhân dân:*

**1/ Ông Bùi Thế Hanh.**

**2/ Ông Lê Thanh Miện.**

*Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXX-DS ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị P**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978-** Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hà Huy Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2019 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị P) trình bày như sau:*

Quan hệ giữa vợ chồng bà và vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C là mối quan hệ hàng xóm quen biết nhau nên bà H có đến nhờ bà vay hộ tiền, vợ chồng bà đã cho bà H vay tiền cụ thể là:

- Ngày 30/11/2017 (âm lịch) bà H vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi không ghi trong hợp đồng vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi theo lãi suất ngân hàng, bà H nói vay để xây phòng khám;

- Ngày 10/4/2018 (âm lịch) bà H vay 207.000.000đ (Hai trăm linh bảy triệu đồng), lãi không ghi trong hợp đồng vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi; bà H nói vay để trả chỗ vay lãi cao và đưa cho chồng ăn học, bà có bảo bà H bảo chồng lên thì bà H nói thôi không phải bảo lại ảnh hưởng đến học tập của ông C nên bà không yêu cầu ông C có mặt khi vay tiền nữa, đồng ý cho bà H vay số tiền nêu trên.

Sau khi bà H vay tiền, đến hạn trả nợ bà đã đòi nhiều lần thì ông C có trả cho bà được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bà đồng ý trừ vào số tiền gốc của khoản bà H vay 207.000.000đ. Bà xác định bà H, ông C còn nợ của bà tổng số tiền gốc đã vay là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng). Sau đó, bà H, ông C không thanh toán trả cho bà được số tiền nào nữa. Vì vậy bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải thực hiện trách nhiệm hoàn trả khoản nợ gốc là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn (bà Nguyễn Thị H):* Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của bà H.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Hà Huy Đ) trình bày:* Nhất trí với ý kiến của bà P.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Văn C):* Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của ông C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của ông C.

Tại phiên toà, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468, 479; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả bà Nguyễn Thị P và ông Hà Huy Đ số tiền vay nợ gốc là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bà Nguyễn Thị P không phải chịu tiền án

phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị P số tiền 7.675.000đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000872 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2018 của bà Nguyễn Thị P đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Hòa và ông Nguyễn Văn C (là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Đối với bà H và ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của bà H, ông C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của bà H và ông C trong hồ sơ vụ án. Do đó, hậu quả của việc bà H, ông C không đưa ra ý kiến, quan điểm gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì bà H và ông C phải tự chịu trách nhiệm.

### **[2]. Về nội dung tranh chấp:**

Bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị H tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề các ngày: 30/11/2017 (âm lịch) và ngày 10/4/2018 (âm lịch), xác nhận là các hợp đồng hợp pháp đ- ọc pháp luật bảo vệ.

[2].1. Xét yêu cầu của bà P yêu cầu bà H và ông C phải trả cho bà P số tiền 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) tiền vay gốc còn nợ, thấy rằng:

Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bà P xác định sau khi hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tài sản bà P đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao cho bà H tổng số tiền 307.000.000đ (Ba trăm linh bảy triệu đồng), bà H đã nhận đủ số tiền vay nêu trên. Đến hạn trả nợ lãi và gốc vay bà H không thanh toán trả bà P tiền lãi theo thỏa thuận và toàn bộ số tiền đã vay, sau đó ông C là chồng bà H đã trả cho bà P, ông Đ được số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Bà P nhất trí trừ vào số tiền gốc 207.000.000đ đã vay ngày 10/4/2018 (âm lịch), sau đó bà H, ông C không thanh toán trả cho bà P, ông Đ được số tiền nào. Vì vậy, bà P có đơn khởi kiện bà H, yêu cầu bà H và ông C phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà P, ông Đ số tiền vay gốc là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng). Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy vay tiền do bà H ký nhận vay tiền, bà P và ông Đ cũng xác định khi vay tiền chỉ có một mình bà H vay. Tòa án đã tiến hành xác minh địa phương cung cấp hiện nay gia đình bà H, ông C kinh doanh cửa hàng được, ông C là bác sỹ tại Bệnh viện đa khoa huyện Hiệp

Hòa, buổi chiều ngoài giờ làm việc có khám chữa bệnh tại nhà và có đi học thêm về nghiệp vụ ngành y, mới thôi không đi học thêm trong thời gian gần đây. Do đó có căn cứ xác định bà H vay tiền dùng vào kinh doanh phục vụ kinh tế gia đình và chi vào việc thiết yếu trong gia đình bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để xác định bà H vay tiền là để phục vụ cho lợi ích chung của gia đình bà H, ông C. Mặt khác, quan hệ giữa bà H và ông C là quan hệ vợ chồng, vì vậy thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thu nhập và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà Thủy và ông Hùng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc và lãi cho bà P, ông Đ của các hợp đồng vay tài sản nêu trên là phù hợp. Cho nên cần buộc bà H và ông C phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) cho bà P, ông Đ của các hợp đồng vay tài sản nêu trên là phù hợp, cho nên yêu cầu của bà P cần được chấp nhận.

[2].2. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho bà P, ông Đ số tiền lãi phát sinh từ khi bà H vay là các ngày 30/11/2017 (âm lịch) tức ngày 16/01/2018 và ngày 10/4/2018 (âm lịch) tức ngày 24/5/2018 (dương lịch), từ khi vay cho đến nay bà H chưa thanh toán trả tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này bà P, ông Đ xác định không ghi lãi trong hợp đồng nhưng có thỏa thuận miệng về lãi theo lãi suất ngân hàng là 1%/tháng, phía bà H không có ý kiến gì về việc vay gốc và lãi, hợp đồng vay cũng không ghi thời hạn trả nợ cụ thể nên xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, tuy nhiên chỉ có một bên đưa ra mức lãi suất cụ thể nên không xác định rõ về lãi suất. Do đó trong thời hạn vay của hợp đồng và đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi của các hợp đồng bà H chưa thanh toán trả cho bà P, ông Đ đã vi phạm vào thỏa thuận về thời hạn trả nợ và thanh toán lãi, vì vậy bà H phải chịu lãi suất trong hạn của hợp đồng và lãi suất quá hạn theo mức lãi suất là 10%/1 năm (tức 0,83%/tháng) theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy cần tính mức lãi suất là 10%/1 năm để buộc bà H phải thanh toán lãi trả cho bà P, ông Đ đối với số tiền bà H chậm trả. Đối với cả hai hợp đồng vay ngày 30/11/2017 (âm lịch) tức ngày 16/01/2018 (dương lịch) và ngày 10/4/2018 (âm lịch) tức ngày 24/5/2018 (dương lịch) bà P, ông Đ xác định bà H chưa thanh toán tiền lãi kể từ ngày vay cho đến nay, hợp đồng vay ngày 10/4/2018 (âm lịch) bà H đã thanh toán được 50 triệu đồng bà P đồng ý trừ vào số tiền gốc đã vay nhưng không xác định được thời gian trả cụ thể nên tính là đã trả ngay trong tháng 4/2018 (âm lịch). Như vậy, lãi của hợp đồng vay được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng vay ngày 30/11/2017 (âm lịch) tức ngày 16/01/2018 (dương lịch) số tiền gốc là 100.000.000đ đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2019) là 20 tháng 24 ngày, số tiền lãi là:  $(100.000.000đ \times 10\% \times 20 \text{ tháng} : 12 = 16.666.600đ) + (100.000.000đ \times 10\% : 12 \times 24 \text{ ngày} : 30 = 666.600đ) = 17.333.200đ$  (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng).

- Đối với các hợp đồng vay ngày 10/4/2018 (âm lịch) tức ngày 24/5/2018 (dương lịch) số tiền gốc là 157.000.000đ đến ngày xét xử sơ thẩm: 10/10/2019 là 16 tháng 16 ngày, số tiền lãi là  $\{(157.000.000đ \times 10\% \times 16 \text{ tháng} : 12 = 20.933.300đ) +$

$(157.000.000đ \times 10\% : 12 \times 16 \text{ ngày} : 30 = 697.800đ) \} = \mathbf{21.631.100đ}$  (Hai mươi một triệu sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền lãi bà H, ông C phải thanh toán trả bà P và ông Đ là: **17.333.200đ + 21.631.100đ = 38.964.300đ (Ba mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm đồng).**

Vì vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán lãi của số tiền gốc còn nợ theo quy định của pháp luật đ-ợc chấp nhận, cần buộc bà H phải thanh toán tổng số lãi trên số tiền gốc còn nợ của các hợp đồng vay cho P, ông Đ là: **38.964.300đ (Ba mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm đồng).**

[3]. Về án phí: yêu cầu của bà Nguyễn Thị P đ-ợc chấp nhận, vì vậy bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không đ-ợc chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả bà Nguyễn Thị P và ông Hà Huy Đ số tiền vay nợ gốc là 257.000.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi là 38.964.300đ (Ba mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm đồng); tổng cả gốc và lãi là: **295.964.300đ (Hai trăm chín mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm đồng).**

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải liên đới chịu 14.798.200đ (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị P số tiền 7.675.000đ (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000872 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án đ-ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đ-ợc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đ-ơng sự có mặt biết đ-ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục thi hành án;
- L- u.

**T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - chủ tọa phiên toà***

**Nguyễn Xuân Toàn**